

Số: 59/KH-UBND

Sơn Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH Phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã Sơn Dương năm 2026

Thực hiện Kế hoạch Số 21/KH-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026,

Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã Sơn Dương năm 2026, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy lợi thế của địa phương để phát triển một số loại vật nuôi chủ lực (lợn, bò sữa, gà đồi, cày vôi...) đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài xã, tiến tới xuất khẩu. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi, tăng sức cạnh tranh sản phẩm và tiếp cận thị trường, đảm bảo an sinh xã hội, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì ổn định đàn trâu trên 484 con; đàn bò trên 2297 con (đàn bò vàng 447 con, đàn bò sữa 1.850 con), đàn gia cầm trên 166.000 con, đàn lợn của Công ty Dabarco với trên 40 nghìn con.

- Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy tiềm năng, thế mạnh của xã nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Tăng tỷ trọng về giá trị sản xuất chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại chiếm 50%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

1.1. Nhiệm vụ về phát triển đàn vật nuôi: Tiếp tục duy trì đàn trâu, bò theo hướng liên kết sản xuất; phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, trang trại quy mô lớn đối với đàn lợn ngoại, lợn lai của Công ty Dabarco; phát triển sản xuất theo hướng chăn nuôi trang trại đối với đàn gia cầm. Ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất các giống vật nuôi đặc trưng như: Đàn lợn, đàn bò sữa, Cày vôi và các giống gia cầm địa phương nhằm xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

1.2. Nhiệm vụ về cải tạo giống vật nuôi: Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống vật nuôi của xã; khuyến khích cải tạo, nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn vật nuôi

bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; tập trung phát triển các giống vật nuôi chủ lực (bò sữa, lợn, gà đồi, cày vôi...) theo hướng hàng hóa, đặc sản; bảo tồn nguồn gen quý, nghiên cứu chọn tạo giống mới chất lượng cao, sạch bệnh, đáp ứng mục tiêu cơ cấu lại ngành chăn nuôi, tăng năng suất và thu nhập.

1.3. Nhiệm vụ về chăn nuôi theo hướng trang trại, an toàn sinh học:

Khuyến khích sử dụng công nghệ chuồng trại hiện đại, hệ thống cho ăn tự động, kiểm soát môi trường chăn nuôi, công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi. Phát triển các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học với hệ thống chuồng trại khép kín, cách ly với môi trường bên ngoài (chăn nuôi không tiếp xúc), sử dụng công nghệ biogas, đệm lót sinh học, men vi sinh để xử lý chất thải, giảm ô nhiễm môi trường, đảm bảo sản phẩm sạch, hướng tới sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, hiệu quả kinh tế bền vững.

1.4. Nhiệm vụ về phát triển chăn nuôi đặc sản: Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế từng vùng để lựa chọn các đối tượng vật nuôi đặc sản, bản địa có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán sản xuất của người dân; tập trung phát triển một số sản phẩm đặc trưng, có khả năng mở rộng quy mô và thị trường tiêu thụ ổn định.

1.5. Nhiệm vụ về xây dựng thương hiệu quảng bá sản phẩm: Lựa chọn các sản phẩm chăn nuôi đặc sản, sản phẩm chủ lực có lợi thế của xã để chứng nhận sản phẩm OCOP, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, sàn thương mại điện tử, tham gia các hội chợ, triển lãm, sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài xã để giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

1.6. Nhiệm vụ về phát triển nguồn thức ăn chăn nuôi: Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản (rơm rạ, thân ngô, bã sắn, bã bia...) làm thức ăn cho vật nuôi; áp dụng các biện pháp ủ chua, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao giá trị sử dụng. Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển vùng trồng cỏ, cây thức ăn chăn nuôi, cây nguyên liệu làm thức ăn tinh. Khuyến khích trồng các giống cỏ, cây thức ăn chăn nuôi có năng suất, chất lượng cao; tận dụng diện tích đất bãi, đất đồi, đất sau thu hoạch để trồng cỏ, ngô sinh khối, cây họ đậu làm thức ăn cho gia súc, giảm phụ thuộc vào thức ăn công nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi với người chăn nuôi, hợp tác xã, trang trại chăn nuôi nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định, giá cả hợp lý.

1.7. Nhiệm vụ về công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai:

Đối với phòng, chống dịch bệnh: Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin định kỳ, tiêm phòng bổ sung cho đàn vật nuôi; hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm động vật. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi để phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời nguy cơ bùng phát dịch.

Đối với phòng, chống thiên tai: Tăng cường theo dõi, dự báo diễn biến thời tiết, kịp thời thông tin, cảnh báo cho người dân. Chủ động các biện pháp phòng, chống rét, nắng nóng, hạn hán, mưa lũ cho đàn vật nuôi, gia cố chuồng trại, rà soát các khu vực

có nguy cơ sạt lở, lũ quét để chủ động di dời vật nuôi khi cần thiết.

1.8. Nhiệm vụ về định hướng xây dựng vùng chăn nuôi: Quy hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp với điều chỉnh quy hoạch xã; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung theo thế mạnh của xã, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng các vùng chăn nuôi xa khu dân cư, bảo đảm khoảng cách an toàn dịch bệnh và môi trường, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo quy trình VietGAHP; phát triển các vùng chăn nuôi gia súc lớn (đàn bò sữa) tại các khu vực thôn Tân Thịnh, phát triển đàn lợn của Công ty Dabarco thôn Định Chung; hình thành vùng chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp tại những địa bàn có hạ tầng phù hợp; bảo tồn và phát triển giống vật nuôi đặc sản, bản địa (gà, cay vôi) gắn với xây dựng thương hiệu và sản phẩm OCOP tại các vùng có lợi thế.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp phát triển đàn vật nuôi

- Duy trì và phát triển ổn định đàn trâu, đàn bò trên địa bàn xã, 1q234567890-tập trung phát triển đồng bộ từ quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung, bảo tồn và cải tạo giống thông qua công nghệ thụ tinh nhân tạo để nâng cao tầm vóc và chất lượng thịt bò địa phương, nhân rộng mô hình chăn nuôi liên kết bền vững với thị trường tiêu thụ ổn định; tiếp tục phát triển đàn lợn ngoại, lợn lai theo hướng chăn nuôi trang trại, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh, nhân rộng các mô hình chăn nuôi không tiếp xúc; phát triển đàn gia cầm (gà, vịt), đàn dê theo hướng chăn nuôi trang trại.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý giống, dữ liệu đàn vật nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Ưu tiên hỗ trợ phát triển các giống vật nuôi đặc trưng như: lợn đen bản địa; các giống gia cầm địa phương như gà xương đen, dê... để xây dựng được thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, duy trì và phát triển những sản phẩm chăn nuôi đã được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý.

2.2. Giải pháp về cải tạo giống vật nuôi

- Hỗ trợ mua gia cầm giống từ các chương trình, dự án, nhằm nâng cao tầm vóc và chất lượng giống vật nuôi hiện có.

- Sử dụng tinh đông lạnh các giống trâu, bò cho năng suất và chất lượng cao như: bò Sind, bò Brahman, bò Droughtmaster, bò BBB, bò Wagyu,... trâu Murah, trâu Ngố được sản xuất trong nước và ngoài nước để phối giống cho đàn trâu, bò cái sinh sản địa phương nhằm nâng cao tầm vóc và chất lượng con giống trên địa bàn xã.

- Phát triển các giống lợn ngoại như Duroc, Landrace, Yorkshire, Pietrain... và con lai tại các trang trại chăn nuôi lợn trọng điểm.

- Phát triển các giống gà lai có năng suất, chất lượng cao (gà lai hồ, gà lai chọi,...).

2.3. Giải pháp về chăn nuôi theo hướng trang trại, an toàn sinh học

- Khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại đầu tư đổi mới công nghệ nhất là trí tuệ nhân tạo AI, đầu tư chuồng trại hiện đại, hệ thống cho ăn tự động, kiểm soát môi trường chăn nuôi, công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Phát triển các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học với hệ thống chuồng trại khép kín, cách ly với môi trường bên ngoài (chăn nuôi không tiếp xúc), sử dụng công nghệ biogas, đệm lót sinh học, men vi sinh để xử lý chất thải, tăng cường thu gom chất thải rắn để làm phân bón hữu cơ, tiến tới xây dựng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích nâng cấp, cải tạo hệ thống chuồng trại chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, an toàn sinh học, phù hợp với điều kiện vùng cao và tập quán chăn nuôi của đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời đảm bảo yêu cầu về kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu chăn nuôi hàng hóa.

2.4. Giải pháp về phát triển chăn nuôi đặc sản bản địa

- Đối với các giống vật nuôi đặc sản bản địa: Tập trung phát triển đàn bò sữa, đàn lợn theo quy mô khép kín.

- Đối với công tác quản lý vùng chăn nuôi đặc sản bản địa: Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý giống vật nuôi như quản lý đàn, lịch sử tiêm phòng, dịch bệnh, chủ trang trại, năng suất; theo dõi quá trình phối giống, sinh trưởng, phát triển và truy xuất nguồn gốc đàn vật nuôi; hình thành cơ sở dữ liệu giống và hệ thống thông tin di truyền phục vụ quản lý lâu dài. Phân định rõ vùng nuôi chính, là nơi có điều kiện tự nhiên phù hợp với từng giống bản địa (đàn lợn, đàn gia cầm); ưu tiên bảo tồn các giống bản địa quý (Cây vôi) và chú trọng xây dựng vùng nuôi an toàn dịch bệnh; các sản phẩm đặc sản trước khi đưa ra thị trường được gắn tem, mác để người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

2.5. Giải pháp về xây dựng thương hiệu quảng bá sản phẩm

- Hoàn thiện và hướng dẫn quy trình chăn nuôi trâu, bò theo tiêu chuẩn VietGAHP, chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi an toàn sinh học, đáp ứng yêu cầu về chứng nhận an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc bằng mã QR.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tổ chức các hội chợ, hội nghị kết nối cung - cầu trong và ngoài xã; đưa sản phẩm vào siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch, nhà hàng, khách sạn và sàn thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Xây dựng các trang, chuyên mục trên báo, đài và nền tảng thương mại điện tử để tuyên truyền về hiệu quả mô hình chăn nuôi nhất là các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

2.6. Giải pháp về phát triển nguồn thức ăn chăn nuôi

- Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp để chế biến nông sản (rơm rạ, thân ngô, bã sắn, bã bia...) làm thức ăn cho vật nuôi; áp dụng các biện pháp ủ chua, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao giá trị sử dụng.

- Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển vùng trồng cỏ, cây thức ăn chăn nuôi, cây nguyên liệu làm thức ăn tinh; gắn phát triển vùng nguyên liệu với định hướng phát triển chăn nuôi đặc sản, chăn nuôi đại gia súc và lợi thế từng địa phương, đảm bảo cung cấp nguồn thức ăn chủ động và ổn định.

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác hiệu quả các loại cây thức ăn thô xanh, hướng dẫn kỹ thuật chế biến và bảo quản thức ăn như ủ chua, phối trộn, ... sử dụng chế phẩm sinh học nhằm nâng cao giá trị dinh dưỡng và kéo dài thời gian bảo quản thức ăn cho chăn nuôi; khuyến khích trồng các giống cỏ, cây thức ăn có năng suất, chất lượng cao; tận dụng diện tích đất bãi, đất đồi, đất sau thu hoạch để trồng cỏ, ngô sinh khối, cây họ đậu làm thức ăn cho gia súc, giảm phụ thuộc vào thức ăn công nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn với người chăn nuôi, hợp tác xã, trang trại nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định, giá cả hợp lý.

2.7. Giải pháp về công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai

a) Giải pháp phòng, chống dịch bệnh:

- Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Thú y, Luật Chăn nuôi; hướng dẫn phòng, chống các dịch bệnh của Trung ương, của tỉnh.

- Chủ động thực hiện các giải pháp kiểm soát phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, bệnh có nguy cơ lây sang người, bệnh mới, gây ảnh hưởng lớn đến đàn vật nuôi, đặc biệt trên vật nuôi chủ lực thông qua việc nâng cao tỷ lệ tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi.

- Kiện toàn hệ thống nhân viên chăn nuôi, thú y cơ sở để giám sát, khai báo và thông tin dịch bệnh kịp thời, bảo đảm yêu cầu phát hiện nhanh, xử lý triệt để các dịch bệnh nguy hiểm ở động vật; nâng cao hiệu quả kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ để hạn chế dịch bệnh phát sinh, lây lan.

- Xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, tiến tới xây dựng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn không gây ô nhiễm môi trường; quan tâm xây dựng chuồng trại phù hợp với từng loại vật nuôi, đảm bảo mật độ, khoảng cách và bảo vệ môi trường. Có hệ thống xử lý chất thải, biogass, ủ phân, đệm lót sinh học, men vi sinh, hoá chất xử lý chất thải. Tăng cường thu gom chất thải rắn trong chăn nuôi để ép tách làm phân bón hữu cơ.

b) Giải pháp phòng, chống thiên tai:

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan khí tượng thủy văn để cập nhật, cảnh báo sớm thiên tai đến người chăn nuôi; đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn kỹ năng phòng, chống thiên tai, ứng phó khẩn cấp cho hộ chăn nuôi; hướng dẫn người dân xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tại hộ gia đình.

- Không bố trí chăn nuôi tập trung tại khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất, ngập úng; khuyến khích phát triển chăn nuôi tại các khu vực cao ráo; bố trí

chuồng trại cách xa sông, suối, khe lạch. Hướng dẫn người chăn nuôi gia cố, nâng cấp chuồng trại bảo đảm chắc chắn; nâng cao nền chuồng không để ngập úng; chủ động che chắn, chống rét, chống nóng cho vật nuôi; có khu vực dự phòng để di dời vật nuôi khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ động dự trữ thức ăn thô xanh, thức ăn tinh, phụ phẩm nông nghiệp trong mùa mưa bão, rét đậm, rét hại; hướng dẫn kỹ thuật ủ chua, phơi khô thức ăn để bảo đảm nguồn thức ăn lâu dài; bảo đảm đủ nước uống sạch, bổ sung vitamin, khoáng chất nhằm nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi.

- Khuyến khích sử dụng giống vật nuôi có khả năng thích nghi tốt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chịu rét, chịu nóng, sức đề kháng cao; không tái đàn ở ạt sau thiên tai khi điều kiện môi trường, dịch bệnh chưa được kiểm soát.

- Thực hiện nghiêm công tác tiêm phòng định kỳ các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn vật nuôi; tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, nhất là sau mưa lũ, ngập úng; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh; kịp thời phát hiện, xử lý ổ dịch, không để lây lan diện rộng; tổ chức xử lý xác động vật chết đúng quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Khi xảy ra thiên tai cần bố trí lực lượng hỗ trợ, cứu trợ, giúp người dân di dời, chăm sóc vật nuôi trong tình huống khẩn cấp; chuẩn bị đầy đủ vật tư, thuốc thú y, hóa chất sát trùng để sẵn sàng ứng phó khi thiên tai xảy ra; thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ khôi phục sản xuất chăn nuôi sau thiên tai theo quy định.

2.8. Giải pháp về định hướng xây dựng vùng chăn nuôi

- Phát triển vùng chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp, quy hoạch của xã và điều kiện tự nhiên từng khu vực; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chuyên canh theo từng loại vật nuôi chủ lực (trâu, bò, lợn, gia cầm, dê...) gắn với lợi thế so sánh của từng vùng; bố trí vùng chăn nuôi xa khu dân cư, khu du lịch, bảo đảm khoảng cách an toàn sinh học và vệ sinh môi trường; không phát triển chăn nuôi tại khu vực có nguy cơ cao về thiên tai, ô nhiễm môi trường.

- Bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, phục vụ cho việc di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

2.9. Giải pháp về chính sách, nguồn vốn

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách của trung ương và của tỉnh như: Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ sản xuất thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trong đó tập trung các chính sách hỗ trợ về đất đai, con giống, vật tư, thức ăn, cải tạo và xây dựng chuồng trại, khu giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ, nhằm tạo điều kiện tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư sản xuất, cải thiện sinh kế và mở rộng quy mô chăn nuôi.

- Ưu tiên lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án như: Các Chương trình mục tiêu quốc gia về: Xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP,... để hỗ trợ phát triển chăn nuôi tập trung hàng hoá và chăn nuôi các vật nuôi bản địa, đặc hữu.

2.10. Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh và chế biến sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý giống, dữ liệu đàn bò, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thông qua phần mềm tích hợp mã QR và hệ thống thông tin OCOP; phát triển nền tảng số hỗ trợ sản xuất theo chuỗi và kết nối cung - cầu sản phẩm thịt trâu, bò.

2.11. Đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ và nhân viên chăn nuôi, thú y cấp cơ sở về các văn bản của Nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác quản lý phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh trên địa bàn xã.

- Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông. Đẩy mạnh hình thức liên kết đào tạo đội ngũ bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi thực hành và đào tạo nghề cho người chăn nuôi.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, quản lý giống, chăm sóc, phòng trị bệnh, chế biến, bảo quản và marketing sản phẩm cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, các thành viên hợp tác xã và nông dân.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động người chăn nuôi thay đổi thói quen sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, nâng cao nhận thức về tư duy kinh tế thị trường, liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng phương án kinh doanh, quản trị tài chính, kế hoạch liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; kết nối cố vấn, chuyên gia để nâng cao hiệu quả quản trị.

2.12. Phát triển sản phẩm gắn với du lịch, dịch vụ homestay

- Khuyến khích các hộ gia đình, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ du lịch cộng đồng, homestay, nhà hàng để đưa các sản phẩm đặc trưng của tỉnh vào thực đơn, tạo nét đặc sắc riêng thu hút khách du lịch. Khu du lịch sinh thái Đồng Đài, Nông trại Cây và hoa

- Xây dựng mô hình trải nghiệm ẩm thực gắn với các điểm du lịch văn hóa, sinh thái, lễ hội truyền thống Đền Thượng Đấng Châu thôn Tân Tiến 1, qua đó nâng cao giá trị kinh tế, quảng bá thương hiệu và tạo việc làm cho người dân.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, nhà hàng với hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi, đảm bảo nguồn cung cấp sản phẩm sạch, an toàn, có chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại - du lịch, xây dựng các tour, tuyến du lịch kết hợp tham quan trang trại, trải nghiệm quy trình chăn nuôi, chế biến và thưởng thức món ăn đặc sản từ các sản phẩm của địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ ngân sách tỉnh, trung ương

- Kinh phí hỗ trợ con giống, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi.

- Kinh phí mua vắc xin, hóa chất, vật tư ... phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, triển khai các Tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường theo phát động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Kinh phí giám sát dịch, điều tra ổ dịch, lấy mẫu, xét nghiệm mẫu; vật tư, bảo hộ, dụng cụ ... phục vụ công tác lấy mẫu, giám sát dịch bệnh động vật; tuyên truyền, tập huấn về công tác chăn nuôi và thú y.

2. Ngân sách xã

- Kinh phí phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn.

- Kinh phí triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật và công chống dịch cho các lực lượng tham gia chống dịch ... tại địa phương theo quy định hiện hành.

- Kinh phí công tiêm phòng vắc xin; công phun, nhiên liệu phun hoá chất khử trùng tiêu độc phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn và triển khai thực hiện các Tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường theo phát động của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Kinh phí xây dựng, duy trì vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Sử dụng nguồn kinh phí trong dự toán được giao; nguồn kinh phí dự phòng... triển khai hỗ trợ phát triển chăn nuôi và công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn; trường hợp vượt quá khả năng của địa phương, có văn bản đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND xã tổ chức hiệu quả các nội dung kế hoạch này.

- Tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật cho UBND xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

- Tham mưu UBND xã phân bổ, cấp kinh phí trong công tác phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn xã năm 2026 theo Kế hoạch

và đột xuất khi có dịch phát sinh. Chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí, hướng dẫn và chỉ đạo công tác thanh quyết toán đúng quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Phối hợp với Trạm y tế xã kịp thời tham mưu các văn bản tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh từ động vật lây sang người; chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, vật tư, hóa chất... sẵn sàng thu dung, cách ly, điều trị khi có ca bị mắc bệnh truyền lây và xử lý ổ dịch theo quy định; theo dõi tình trạng sức khỏe, đảm bảo an toàn cho những người tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật và sức khỏe cộng đồng.

3. Trung tâm Dịch vụ công xã

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế xã tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện kế hoạch và các nội dung liên quan quy định pháp luật về chăn nuôi...

- Chủ trì, phối hợp tổ chức tập huấn, đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và giám sát diễn biến thiên tai, dịch bệnh tại địa phương.

4. Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ công xã triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp với các phòng, ban và UBND xã tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, nội dung Kế hoạch; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chuyên đổi tư duy từ sản xuất chăn nuôi nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, gắn với bảo vệ môi trường.

- Tham gia phản biện, giám sát việc xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc từ cơ sở nhằm bảo vệ quyền lợi của tổ chức, cá nhân và đề xuất hướng xử lý phù hợp.

- Phát hiện, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hiệu quả trong phát triển chăn nuôi và sản phẩm từ chăn nuôi tại cộng đồng dân cư.

6. Các thôn trên địa bàn xã

Căn cứ Kế hoạch phát triển chăn nuôi năm 2026 của xã; tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch tiêm phòng đàn gia súc, gia cầm năm 2026 tại địa bàn. Thường xuyên theo dõi sát tình hình chăn nuôi, khi phát hiện dịch bệnh nguy hiểm hoặc vật nuôi có biểu hiện ốm, chết bất thường phải báo cáo ngay UBND xã, cơ quan chuyên môn để triển khai đồng bộ các biện pháp chống dịch động vật ngay khi dịch bệnh mới phát sinh.

7. Các cơ sở, hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hộ giết mổ, kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm

- Tuân thủ và thực hiện các quy định về chăn nuôi, thú y theo quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan, các quy định của chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động chăn nuôi, thú y của cơ quan

quản lý chuyên ngành theo quy định.

- Chấp hành nghiêm túc Kế hoạch chăn nuôi của Ủy ban nhân dân xã.

- Các hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi phải thực hiện kê khai với UBND xã theo quy định. Thường xuyên làm tốt các biện pháp như: tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc nuôi dưỡng, xử lý chất thải chăn nuôi. Theo dõi, báo cáo kịp thời với chính quyền cơ sở những diễn biến bất thường xảy ra đối với gia súc, gia cầm, nhất là sau khi tiêm phòng.

- Các hộ giết mổ; kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi; các điểm ấp trứng gia cầm,... phải thực hiện các quy định của pháp luật để đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chăn nuôi năm 2026 trên địa bàn xã Sơn Dương. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND xã (qua phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ công xã) để chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (B/cáo);
- TTr Đảng ủy-HĐND xã (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- MTTQ các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản;
- Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Khu vực 1;
- Công An xã, Ban chỉ huy Quân sự xã;
- Các phòng Kinh tế, Văn hóa -Xã hội xã;
- Trung tâm Dịch vụ công xã;
- Lưu: VT, (T b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Thành